

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2025

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà.

Ông Nguyễn Xuân Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: H.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách,

quan điểm sống trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau trong suốt khoảng thời gian dài. Đến năm 2022 chị H đi lao động tại H, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau, nhưng do khoảng cách nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 02/2024, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn, anh chị không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/8/2016, hiện các con đang ở với anh. Anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn H1 (là bố đẻ chị H) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Chị H có quan điểm xác định vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi nên tình cảm có sự thay đổi, lạnh nhạt và không còn, anh L xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh L trình bày là đúng, hiện các con đang ở với anh L. Chị nhất trí để anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tài sản chung, không có nên chị không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh L, chị H là cháu Nguyễn Bảo S và Nguyễn Bảo N cùng có nguyện vọng được ở với anh L.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh L, chị H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2022 chị H đi lao động ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, ít hỏi thăm liên lạc với nhau. Nay anh L có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, anh L vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị H vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thành Lâm ly H2 chị Nguyễn Thị H; về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo S và Nguyễn Bảo N cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H phải cấp

dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không đề nghị. Anh L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành L hiện đang cư trú tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương, bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn M, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị H đang lao động, sinh sống tại H. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H. Tòa án đã đề nghị gia đình chị H cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H1 là bố đẻ chị H để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn, đồng thời tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông H1 đã thông báo cho chị H biết. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 05/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, chị H đi lao động tại H từ năm 2022, từ đó mỗi người sống một nơi, ít liên lạc và không quan tâm đến nhau nên tình cảm lạnh nhạt và không còn. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay anh L có đơn xin ly hôn, chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh L ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các con chung của anh L và chị H hiện đang do anh L nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh L. Hội đồng xét xử xét thấy, các con chung đang sinh sống, học tập và được anh L nuôi dưỡng ổn định. Chị H hiện đang ở nước ngoài nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển tốt nhất về mọi mặt của người chưa thành niên, HĐXX xét thấy giao các con cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị H cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành L, xử cho anh **Nguyễn Thành Lâm ly H2** chị **Nguyễn Thị H**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo S, sinh ngày 23/3/2015 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 22/8/2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thành L không yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005478 ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân